TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 82/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 11 - 11 -2019
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu
Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 335/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Cao Thị T, sinh năm: 1982 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn: anh Ngô Văn N, sinh năm: 1977(có mặt)
Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Ngô Văn N tự nguyện chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/02/2007. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân về mặt tình cảm hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vả, không có tiếng nói chung, hai vợ chồng không nói chuyện với nhau chỉ sống trong im lặng do bất đồng quan điểm sống, không hỏi han nhau lời nào, lạnh nhạt với nhau, mạnh ai nấy sống, chị cảm thấy rất ức chế về tinh thần, tình cảm, anh N

không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con. Chị và anh N đã sống ly thân được 03 tháng nay, trong thời gian sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau. Chị thấy không còn tình cảm với anh N và yêu cầu được ly hôn với anh N.

-Về con chung: Chị và anh N có 02 người con chung, họ tên là Ngô Thị Lan A, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Ngô Thế A1 sinh ngày 26/01/2012. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Ngô Thị Lan A và Ngô Thế A1. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản và nợ: không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Ngô Văn N trình bày: Anh và chị Cao Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/02/2007. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là mâu thuẫn về kinh tế gia đình do hai vợ chồng thường xảy ra cải vã về tiền bạc, tiền lương chi phí sinh hoạt trong gia đình, không có tiếng nói chung, hai vợ chồng không nói chuyện với nhau, bất đồng quan điểm sống, khi nói chuyện với nhau thì lại xảy ra cải vã nên hai vợ chồng không nói chuyện, không hỏi han nhau lời nào, lạnh nhạt với nhau, mạnh ai nấy sống. Anh thừa nhận ít quan tâm gia đình, vợ con, anh và chị T đã sống ly thân một thời gian từ khi chị T đưa đơn ra Tòa yêu cầu ly hôn cho đến nay. Hiện nay anh không đồng ý ly hôn với chị T, anh hứa sẽ thay đổi, anh không muốn ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai người con chung là Ngô Thị Lan A, sinh ngày 04/10/2004 và Ngô Thế A1 sinh ngày 26/01/2012. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Ngô Thế A1 sinh ngày 04/10/2004, giao cháu Ngô Thị Lan A cho chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị T đồng ý nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu thì tôi cũng đồng ý giao cả hai cháu Ngô Thị Lan A và Ngô Thế A1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng vì cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với chị T thì anh tôn trọng, đồng ý với ý kiến các cháu.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa:+Về thủ tục tố tụng: Không có ý kiến gì.+Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của chị T, chị T được ly hôn với anh N. Về con chung: Giao cả hai cháu Ngô Thị Lan A, sinh ngày 04/10/2004 và Ngô Thế A1 sinh ngày 26/01/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nợ: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự nộp theo luật định.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Cao Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn N, chị T và anh N có nơi cư trú Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chị T và anh N có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/02/2007. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị T yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Cao Thị T và anh N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 27/02/2007. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình, do hai vợ chồng thường xảy ra cải vả về tiền bạc, tiền lương chi phí sinh hoạt trong gia đình, không có tiếng nói chung, hai vợ chồng không nói chuyện với nhau, bất đồng quan điểm sống, không nói chuyện nhau lời nào, lạnh nhạt với nhau, mạnh ai nấy sống. Mặt khác, anh chị cũng đã sống ly thân một thời gian nhưng hai bên không đoàn tụ hàn gắn được với nhau. Mâu thuẫn này giữa chị T và anh N được anh N thừa nhận. Như vậy, chị T và anh N đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau, cụ thể là không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống hạnh phúc với nhau. Phía bị đơn anh N mong muốn đoàn tụ nhưng nguyên đơn chị T không đồng ý. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữ chị T và anh N lâm vào tình trạng không trầm trọng, không thể hàn gắn, hôn nhân không đạt được mục đích, nay chị T yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị T là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]Về con chung: chị T và anh N có hai người con chung là Ngô Thị Lan A, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Ngô Thế A1 sinh ngày 26/01/2012. Sau khi ly hôn thì chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, tại phiên tòa bị đơn anh N trình bày là anh tôn trọng ý kiến nguyện vọng các cháu được ở với mẹ là chị T thì anh cũng đồng ý. Xét thấy, tại các biên bản lời khai của cháu Ngô Thị Lan A và Ngô Thế A1 thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ cháu là chị Cao Thị T. Vì vậy, cần giao cả hai cháu Ngô Thị Lan A, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Ngô Thế A1 sinh ngày 26/01/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7]Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56, 81.82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị T. Chị Cao Thị T được ly hôn với anh Ngô Văn N.

[2]. Về con chung: giao cả hải cháu Ngô Thị Lan A, sinh ngày 04/10/2004 và cháu Ngô Thế A1 sinh ngày 26/01/2012 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009634, ngày 06/8/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà